

**TỔNG CTY CP ĐƯỜNG SÔNG  
MIỀN NAM**

Số. 238 /ĐSMN-CBTT

V/v: Giải trình Báo cáo kết quả kinh  
doanh riêng giữa niên độ năm 2018 đã kiểm  
toán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----o0o-----

TP.HCM, ngày 09 tháng 08 năm 2018

**Kính gửi:**

- ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI
- QUÝ CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY

Thực hiện Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam, mã Chứng khoán SWC, giải trình số liệu như sau:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	06 tháng đầu năm 2018	06 tháng đầu năm 2017	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế TNDN	98.298.535.838	473.644.267.681	-375.345.731.843

Lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2018 lãi 98.298.535.838 đồng giảm so với 06 tháng đầu năm 2017 lãi 473.644.267.681 đồng giảm 375.345.731.843 đồng, do nguyên nhân sau:

Trong 06 tháng đầu năm 2017, Tổng công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam lãi từ việc thoái vốn tại Công ty liên doanh Keppel Land Watco.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng /.

**TỔNG CTY CP ĐƯỜNG SÔNG MIỀN NAM**

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VT



## **Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2018



# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11 - 40



# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; kinh doanh thương mại vỏ bánh xe.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 1 chi nhánh là Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thị Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trương Quốc Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên
Ông Lê Bá Thọ	Thành viên
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên
Ông Đặng Vũ Thành	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Tường Minh	Trưởng ban	
Ông Phan Trọng Lâm	Thành viên	
Bà Ngô Thị Thanh Thủy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2018
Ông Nguyễn Trọng Phúc	Thành viên	từ nhiệm ngày 2 tháng 4 năm 2018



# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Bá Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Tô Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Bá Thọ.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 9 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo tài chính này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:  
  
Lê Bá Thọ  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 8 năm 2018



Số tham chiếu: 61280423/20256668/LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 9 tháng 8 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 40, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và báo cáo soát xét chúng tôi đề ngày 9 tháng 8 năm 2018 đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Phạm Thị Cẩm Tú  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2266-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 9 tháng 8 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>595.576.152.635</b>	<b>756.683.361.216</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>65.064.963.179</b>	<b>110.962.969.516</b>
111	1. Tiền		47.351.309.073	41.683.770.156
112	2. Các khoản tương đương tiền		17.713.654.106	69.279.199.360
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>450.679.019.777</b>	<b>587.244.120.280</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	130.500.000.000	130.500.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(23.031.000.000)	(19.148.893.320)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	343.210.019.777	475.893.013.600
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>72.785.068.971</b>	<b>54.583.128.760</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		41.292.863.794	34.734.301.268
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		19.022.640.215	2.280.411.614
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		27.811.974.896	34.280.266.046
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(15.342.409.934)	(16.711.850.168)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>4.635.691.895</b>	<b>3.284.888.931</b>
141	1. Hàng tồn kho	7	4.635.691.895	3.284.888.931
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.411.408.813</b>	<b>608.253.729</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		702.624.049	60.000.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.708.784.764	548.253.729
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>501.664.815.668</b>	<b>437.544.669.466</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>15.214.267</b>	<b>15.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác		15.214.267	15.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>240.176.950.697</b>	<b>202.039.617.929</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	234.974.605.697	196.837.272.929
222	Nguyên giá		398.812.942.475	352.381.696.895
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(163.838.336.778)	(155.544.423.966)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	5.202.345.000	5.202.345.000
228	Nguyên giá		5.202.345.000	5.202.345.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>51.929.300.177</b>	<b>32.640.838.809</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	51.929.300.177	32.640.838.809
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>198.849.052.515</b>	<b>196.144.102.515</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	12.1	26.316.724.000	26.316.724.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.2	162.331.403.276	162.331.403.276
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		813.124.639	813.124.639
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.561.349.400)	(3.561.349.400)
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	12	12.949.150.000	10.244.200.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>10.694.298.012</b>	<b>6.705.110.213</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	6.617.043.973	5.367.404.493
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.3	4.077.254.039	1.337.705.720
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.097.240.968.303</b>	<b>1.194.228.030.682</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>199.785.411.212</b>	<b>190.779.009.429</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>126.165.796.401</b>	<b>119.077.730.581</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	11.176.945.620	6.289.865.991
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		277.175.291	2.534.697.714
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	12.775.253.390	8.481.778.428
314	4. Phải trả người lao động		4.490.221.158	7.438.868.723
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.934.553.922	931.321.810
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	67.823.548.652	71.928.882.862
320	7. Vay ngắn hạn	16	22.155.920.041	19.378.636.726
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.532.178.327	2.093.678.327
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>73.619.614.811</b>	<b>71.701.278.848</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	15.101.950.000	12.851.700.000
338	2. Vay dài hạn	16	55.380.812.061	55.539.899.123
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		3.136.852.750	3.309.679.725
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>897.455.557.091</b>	<b>1.003.449.021.253</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>17.1</b>	<b>897.455.557.091</b>	<b>1.003.449.021.253</b>
411	1. Vốn cổ phần		671.000.000.000	671.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		671.000.000.000	671.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		36.493.891.802	36.493.891.802
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		49.565.919.026	49.565.919.026
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		140.395.746.263	246.389.210.425
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		42.097.210.425	13.603.389.980
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		98.298.535.838	232.785.820.445
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.097.240.968.303</b>	<b>1.194.228.030.682</b>






Phạm Quang Minh                      Trịnh Văn Quý                      Lê Bá Thọ  
 Người lập                                  Kế toán trưởng                      Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 8 năm 2018



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>106.138.399.448</b>	<b>581.216.049.671</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao	9	8.954.924.015	7.624.482.305
03	Các khoản dự phòng		2.339.839.471	13.112.806.319
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		623.331.830	1.552.598.897
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(86.876.348.855)	(591.943.764.417)
06	Chi phí lãi vay	20	1.076.063.917	1.004.766.243
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>32.256.209.826</b>	<b>12.566.939.018</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(9.739.309.798)	6.455.568.241
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(1.350.802.964)	117.069.594
11	Giảm các khoản phải trả		4.321.230.397	11.144.472.278
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(1.892.263.529)	253.927.084
13	Tăng chứng khoán kinh doanh		-	(130.500.000.000)
14	Tiền lãi vay đã trả		(602.937.889)	(600.182.909)
15	Thuế TNDN đã nộp	14	(10.400.435.849)	(104.023.660.585)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.404.300.000)	(1.251.000.701)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh</b>		<b>11.187.390.194</b>	<b>(205.836.867.980)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(66.380.718.151)	(14.469.117.601)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		100.000.000	1.200.000.000
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(108.143.199.777)	(685.461.700.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		240.119.357.168	385.996.000.000
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	845.880.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		76.524.299.806	63.874.518.606
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>142.219.739.046</b>	<b>597.019.701.005</b>


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay	16	11.561.390.684	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	16	(9.566.526.261)	(15.526.867.360)
36	Cổ tức đã trả	17.3	(201.300.000.000)	(335.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(199.305.135.577)	(351.026.867.360)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(45.898.006.337)	40.155.965.665
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		110.962.969.516	35.349.008.393
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	65.064.963.179	75.504.974.058

  
Phạm Quang Minh  
Người lập

  
Trịnh Văn Quý  
Kế toán trưởng

  
Lê Bá Thọ  
Tổng Giám đốc



Ngày 9 tháng 8 năm 2018



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 2124/QĐ-TCCB-LĐ do Bộ Giao thông Vận tải cấp ngày 13 tháng 8 năm 1996 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4106000097 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 5 năm 2005.

Ngày 4 tháng 7 năm 2008, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 854/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKKD số 4103013615 ngày 9 tháng 6 năm 2009 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Ngày 26 tháng 4 năm 2012, Công ty được chuyển đổi sang Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (GCNĐKDN") số 0300447173 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; vận tải hàng hóa bằng container; đại lý vận tải; cung cấp hoạt động kho bãi (kể cả kinh doanh kho bãi ICD, cảng cạn); cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ, đường thủy; dịch vụ bốc xếp hàng hóa, cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; đóng tàu và cấu kiện nổi; sửa chữa tàu thuyền; chuẩn bị mặt bằng sản xuất, bến bãi, nhà xưởng; kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; cung ứng và quản lý nguồn lao động; và kinh doanh thương mại vỏ bánh xe.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 1 chi nhánh là Trung tâm Xuất khẩu Lao động tại số 2, Ngõ 1 Lê Văn Hưu, Phường Ngô Thi Nhậm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 318 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 315).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY****2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tổng Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 đề ngày 9 tháng 8 năm 2018.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.2 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, chủ yếu với giá trị được xác định là chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa và các hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm và nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

#### 3.5 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

#### 3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

#### 3.8 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.9 *Các khoản đầu tư*

*Đầu tư vào các công ty con*

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát và có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh, liên kết sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát và có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư, nếu phát sinh, được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### 3.10 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ Luật Lao động.

#### 3.12 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

#### 3.13 *Phân chia lợi nhuận thuần*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 *Phân chia lợi nhuận thuần* (tiếp theo)

##### *Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

#### 3.14 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

##### *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

#### 3.15 *Thuế*

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Tiền mặt	909.324.298	460.502.938
Tiền gửi ngân hàng	46.441.984.775	41.223.267.218
Các khoản tương đương tiền (*)	17.713.654.106	69.279.199.360
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>65.064.963.179</b>	<b>110.962.969.516</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng với kỳ hạn gốc dưới ba (3) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,0%/năm đối với các khoản tiền gửi bằng VND và 0%/năm đối với khoản tiền gửi bằng USD.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

## 5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

### 5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017			VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	
Ủy thác đầu tư (i)	80.500.000.000	(23.031.000.000)	57.469.000.000	80.500.000.000	(19.148.893.320)	61.351.106.680	
- Công ty Cổ phần DAP – Vinachem	59.500.000.000	(12.600.000.000)	46.900.000.000	59.500.000.000	(12.747.717.854)	46.752.282.146	
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Vinataba	20.691.000.000	(10.431.000.000)	10.260.000.000	20.691.000.000	(6.401.175.466)	14.289.824.534	
Tiền gửi không kỳ hạn	309.000.000	-	309.000.000	309.000.000	-	309.000.000	
Chứng chỉ quỹ (ii)	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>130.500.000.000</b>	<b>(23.031.000.000)</b>	<b>107.469.000.000</b>	<b>130.500.000.000</b>	<b>(19.148.893.320)</b>	<b>111.351.106.680</b>	

- (i) Đây là khoản ủy thác cho Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư vào các loại chứng khoán và các giấy tờ có giá tại Việt Nam.
- (ii) Đây là khoản chứng chỉ quỹ phát hành bởi Quỹ Đầu tư Khám phá Giá trị Ngân hàng Công Thương Việt Nam và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Ủy thác đầu tư (i)	286.687.671.200	422.300.000.000
– Công ty TNHH Quản lý Quỹ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	186.400.000.000	422.300.000.000
– Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ IB	100.287.671.200	-
Tiền gửi có kỳ hạn (ii)	56.522.348.577	53.593.013.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>343.210.019.777</b>	<b>475.893.013.600</b>

- (i) Đây là các khoản ủy thác cho các công ty quản lý quỹ đầu tư với thời hạn không quá mười hai (12) tháng nhằm mục đích đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp tại Việt Nam.
- (ii) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,3%/năm đến 7,9%/năm. Trong đó, Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Chi nhánh Phạm Ngọc Thạch với số tiền là 50.000.000.000 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 16.2).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>41.292.863.794</b>	<b>34.734.301.268</b>
Trong đó:		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	16.100.452.357	15.469.471.918
Công ty TNHH Than Tân Phú Đồng	3.162.218.965	2.276.332.997
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ	3.027.910.886	4.487.059.450
Khách hàng khác	19.002.281.586	12.501.436.903
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>19.022.640.215</b>	<b>2.280.411.614</b>
Trong đó:		
Công ty Cổ phần UNICO VINA	8.035.401.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Dịch vụ Song Long	3.816.560.000	-
Công ty TNHH Xây dựng điện Xuân Bách	3.008.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ		
Kỹ thuật Duy Tường	-	605.880.000
Nguyễn Văn Cẩm	-	321.512.400
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận tải		
Xuất Nhập khẩu Mỹ Lộc Phúc	-	312.000.000
Người bán khác	4.162.679.215	1.041.019.214
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>27.811.974.896</b>	<b>34.280.266.046</b>
Trong đó:		
Phải thu về tiền lương, bảo hiểm xã hội của		
thuyền viên từ các đại lý	15.017.659.416	15.434.681.475
Phải thu lãi hoạt động ủy thác đầu tư	5.781.582.554	15.770.044.444
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.089.670.983	1.617.318.055
Tạm ứng cho nhân viên	1.815.963.205	265.350.000
Phải thu từ bên liên quan		
(Thuyết minh số 24)	379.272.726	371.090.908
Phải thu ngắn hạn khác	727.826.012	821.781.164
<b>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>	<b>(15.342.409.934)</b>	<b>(16.711.850.168)</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>72.785.068.971</b>	<b>54.583.128.760</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ngày 31 tháng 12	16.711.850.168	16.065.110.556
Dự phòng trích lập trong kỳ	89.617.330	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(1.459.057.564)	-
Ngày 30 tháng 6	15.342.409.934	16.065.110.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)**

Nợ xấu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Hữu Lễ	6.463.918.325	-	6.463.918.325	-
Công ty TNHH Xi măng Sơn Hồng	3.027.910.886	-	4.487.059.450	-
Khác	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	5.098.720.009	248.139.286	5.098.629.009	337.756.616
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>15.590.549.220</b>	<b>248.139.286</b>	<b>17.049.606.784</b>	<b>337.756.616</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Nguyên liệu, vật liệu	4.466.043.273	2.360.368.658
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	169.648.622	924.520.273
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.635.691.895</b>	<b>3.284.888.931</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp liên quan đến khoản vay (Thuyết minh số 16.3)	3.958.934.750	4.304.161.403
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	2.658.109.223	973.133.743
Khác	-	90.109.347
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.617.043.973</b>	<b>5.367.404.493</b>



## 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	218.139.856.789	18.926.635.363	114.331.796.486	983.408.257	352.381.696.895
Mua mới trong kỳ	-	340.000.000	540.000.000	-	880.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	858.181.818	45.354.074.965	-	46.212.256.783
Thanh lý trong kỳ	-	-	(661.011.203)	-	(661.011.203)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	218.139.856.789	20.124.817.181	159.564.860.248	983.408.257	398.812.942.475
<b>Trong đó:</b>					
<b>Đã khấu hao hết</b>	11.804.237.887	10.568.512.770	8.674.000.898	831.398.257	31.878.149.812
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	80.810.043.075	14.114.681.559	59.669.141.928	950.557.404	155.544.423.966
Khấu hao trong kỳ	3.986.566.704	621.378.062	4.331.685.896	15.293.353	8.954.924.015
Thanh lý trong kỳ	-	-	(661.011.203)	-	(661.011.203)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	84.796.609.779	14.736.059.621	63.339.816.621	965.850.757	163.838.336.778
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	137.329.813.714	4.811.953.804	54.662.654.558	32.850.853	196.837.272.929
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	133.343.247.010	5.388.757.560	96.225.043.627	17.557.500	234.974.605.697

Công ty đã sử dụng các phương tiện vận tải với tổng giá trị còn lại vào ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 13.422.767.946 VND làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn từ ngân hàng. Chi tiết của các khoản vay này được thể hiện trong *Thuyết minh số 16.2*.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

#### 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất tại các địa điểm sau:

- Quyền sử dụng đất tại số 1461 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ở với Công ty TNHH Liên doanh Phú Mỹ Hưng ("PMH") ngày 20 tháng 6 năm 2009 với nguyên giá ghi nhận là 2.535.120.000 VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình hoàn thành việc chuyển quyền sử dụng đất từ PMH sang Công ty.
- Quyền sử dụng đất tại số 298 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng mua bán nhà ngày 7 tháng 7 năm 1999 với nguyên giá ghi nhận là 2.667.225.000 VND.

Ngày 21 tháng 7 năm 2011, Công ty nhận được Quyết định số 3573/QĐ-UBND từ Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc chấp thuận cho Công ty được sử dụng khu đất này dưới hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất để tiếp tục sử dụng làm văn phòng và ủy quyền cho Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh xác định tiền sử dụng đất mà Công ty phải nộp.

Ngày 24 tháng 12 năm 2014, Công ty nhận được tờ trình số 572/TTr-TVC-HĐTĐGTP từ Tổ chuyên viên trình Hội đồng Thẩm định giá Thành phố Hồ Chí Minh xem xét và phê duyệt, theo đó chi phí sử dụng đất được ước tính là 11.185.314.538 VND.

Từ ngày 24 tháng 12 năm 2014 đến ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty không nhận thêm bất kỳ văn bản nào khác từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc chi phí sử dụng đất phải nộp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng hiện nay chưa có kết luận cuối cùng về vấn đề này, và do đó Công ty đã không ghi nhận khoản nợ phải trả với số tiền nêu trên trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đồng thời chưa tiến hành trích hao mòn cho giá trị quyền sử dụng đất nêu trên.

#### 11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Chi phí sửa chữa cầu cảng	32.672.199.524	3.194.007.573
Chi phí xây dựng sà lan	19.181.100.480	27.559.893.922
Khác	76.000.173	1.886.937.314
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>51.929.300.177</b>	<b>32.640.838.809</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND			
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào các công ty con	26.316.724.000	-	26.316.724.000	-
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	162.331.403.276	(3.561.349.400)	162.331.403.276	(3.561.349.400)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	813.124.639	-	813.124.639	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*)	12.949.150.000	-	10.244.200.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>202.410.401.915</b>	<b>(3.561.349.400)</b>	<b>199.705.451.915</b>	<b>(3.561.349.400)</b>

(\*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có thời hạn gốc trên mười hai (12) tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 6,5%/năm đến 6,7%/năm.

# Tổng Công ty Cổ phần Đường sông Miền Nam

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 12.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên công ty con	Thông tin thành lập	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Trụ sở đăng ký	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017	
					Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình ("ECCO")	GCNĐKKD số 4103000067 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 5 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh	Xây dựng công trình dân dụng	Đang hoạt động	298 Đường Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	86,15	22.938.648.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện thủy Cần Thơ ("Đóng tàu Cần Thơ")	GCNĐKKD số 5703000110 do SKHĐT Thành phố Cần Thơ cấp ngày 14 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh	Đóng tàu và cấu kiện nổi	Đang hoạt động	77B Trần Phú, Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	70,00	3.032.988.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xây dựng và Cơ khí Đường thủy Miền Nam ("SOWATMES")	GCNĐKKD số 4103001933 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 11 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh	Xây dựng công trình dân dụng	Đang hoạt động	59 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	51,00	345.088.000
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>26.316.724.000</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**12.2 Đầu tư vào các công ty liên kết**

Tên công ty liên doanh, liên kết	Thông tin thành lập	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Trụ sở đăng ký	Ngày 30 tháng 6 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017	
					Tỷ lệ sở hữu %	Giá gốc VND
Công ty Liên doanh Phát triển Tiếp vận Số 1 ("VICT")	Giấy phép Đầu tư ("GPĐT") số 996/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 22 tháng 9 năm 1994 và theo các GPĐT điều chỉnh	Xây dựng, dịch vụ cảng, và vận chuyển hàng hóa	Đang hoạt động	Đường A5, Khu phố 5, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	37,00	155.730.813.876
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình và Thương mại 747 ("SOWATCO-ECO 747")	CNĐKKD số 2900751997 do SKHĐT Tỉnh Nghệ An cấp ngày 7 tháng 6 năm 2006 và các GCNĐKKD điều chỉnh	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	Đang hoạt động	161/1 Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An	49,00	3.561.349.400
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Đường thủy Miền Nam ("SOWATCOSER")	GCNĐKKD số 0303215396 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 1 tháng 4 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	38 Tôn Thất Thuyết, Phường 15, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	26,27	3.039.240.000
<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>162.331.403.276</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Phải trả bên thứ ba	9.687.599.965	5.580.895.991
Công Ty TNHH Quảng cáo Tiếp thị Ban Mai	2.563.884.307	-
Công ty TNHH Nam Khánh Chi	890.665.347	-
Công ty TNHH Phương Hải Anh	718.935.216	1.554.390.180
Công ty TNHH Dịch vụ Vân Tiến	624.970.840	619.549.238
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Quốc Chính	-	840.067.132
Người bán khác	4.889.144.255	2.566.889.441
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 24)	1.489.345.655	708.970.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.176.945.620</b>	<b>6.289.865.991</b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Tăng	Giảm	Ngày 30 tháng 6 năm 2018
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	6.428.289.771	10.579.411.929	(10.400.435.849)	6.607.265.851
Thuế giá trị gia tăng	611.758.314	2.861.664.701	(3.473.423.015)	-
Thuế thu nhập cá nhân	301.846.243	1.455.879.116	(1.415.467.577)	342.257.782
Khác	1.139.884.100	7.201.800.000	(2.515.954.343)	5.825.729.757
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.481.778.428</b>	<b>22.098.755.746</b>	<b>(17.805.280.784)</b>	<b>12.775.253.390</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**15. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
VND		
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải trả cho thuyền viên	23.880.746.086	29.716.899.836
Doanh thu chưa thực hiện	12.690.003.810	12.251.749.402
Nhận ký quỹ	5.668.855.500	4.962.461.000
Phải trả hãng tàu	3.691.942.737	2.475.172.414
Bảo hiểm thuyền viên	2.128.287.682	2.264.312.648
Phải trả ngắn hạn khác cho các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	1.649.292.695	1.176.166.667
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.114.420.142	19.082.120.895
	<u>67.823.548.652</u>	<u>71.928.882.862</u>
<b>Dài hạn</b>		
Nhận ký quỹ từ thuyền viên	14.964.450.000	12.791.700.000
Nhận ký quỹ thuê nhà và thuê sân bãi	137.500.000	60.000.000
	<u>15.101.950.000</u>	<u>12.851.700.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>82.925.498.652</u></b>	<b><u>84.780.582.862</u></b>

**16. VAY**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
VND		
<b>Ngắn hạn</b>		
Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 24)	17.900.000.000	17.900.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.719.039.819	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.536.880.222	1.478.636.726
	<u>22.155.920.041</u>	<u>19.378.636.726</u>
<b>Dài hạn</b>		
Vay dài hạn ngân hàng	55.380.812.061	55.539.899.123
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>77.536.732.102</u></b>	<b><u>74.918.535.849</u></b>

Tình hình tăng (giảm) các khoản vay như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn	Tổng cộng
VND			
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	19.378.636.726	55.539.899.123	74.918.535.849
Tiền thu từ đi vay	11.561.390.684	-	11.561.390.684
Kết chuyển vay dài hạn đến hạn trả	782.418.892	(782.418.892)	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	(9.566.526.261)	-	(9.566.526.261)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	623.331.830	623.331.830
Ngày 30 tháng 6 năm 2018	<u>22.155.920.041</u>	<u>55.380.812.061</u>	<u>77.536.732.102</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**16. VAY (tiếp theo)**

**16.1 Vay ngắn hạn bên liên quan**

Công ty có khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động (Thuyết minh số 24). Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối kỳ VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Xây lắp Công trình	<u>17.900.000.000</u>	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	5,0	Tín chấp

**16.2 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Công ty có khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động. Chi tiết các khoản vay ngắn hạn được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	<u>2.719.039.819</u>	Ngày 22 tháng 9 năm 2018	6,5	Tín chấp



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**16. VAY (tiếp theo)**

**16.3 Vay dài hạn ngân hàng**

Công ty có các khoản vay dài hạn theo các hiệp định tài trợ khung (Hiệp định vay số 2613-VIE và số 2614-VIE ngày 8 tháng 10 năm 2010) giữa Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Phát triển Châu Á ("ADB") nhằm mục đích hỗ trợ tài chính cho Chương trình Cải cách Doanh nghiệp Nhà nước và Hỗ trợ quản trị công ty. Chi tiết các khoản vay được trình bày như sau:

Ngân hàng	Mục đích vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2018		Điều khoản thanh toán	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
		VND	Nguyên tệ USD			
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II						
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Thông thường (“Khoản vay OCR”)	Tài trợ cho các dự án tái cấu trúc tài chính và tái cấu trúc doanh nghiệp của Công ty	50.168.949.098	2.182.207	Nợ gốc và lãi trả hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và 15 tháng 11, bắt đầu từ năm 2015 cho đến năm 2034	Lãi suất LIBOR cộng với chênh lệch tại từng thời điểm do ADB thông báo (1,50%)	Phương tiện tài với giá trị còn lại là 13.422.767.946 VND (Thuyết minh số 9) và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trị giá 50.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5)
Hiệp định vay các Nghiệp vụ Đặc biệt (“Khoản vay ADF”)	Tài trợ cho các dự án củng cố và tái cấu trúc hoạt động của Công ty	6.748.743.185	293.551	Nợ gốc và lãi trả hai kỳ mỗi năm vào các ngày 15 tháng 5 và 15 tháng 11, bắt đầu từ năm 2018 cho đến năm 2041	Lãi suất 1%/năm (trong thời gian ân hạn) và 1,5%/năm trong các năm sau đó (1,00%)	
TỔNG CỘNG		56.917.692.283	2.475.758			
Trong đó						
Vay dài hạn		55.380.812.061				
Vay dài hạn đến hạn trả		1.536.880.222				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**17.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu**

	VND				
	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	671.000.000.000	36.493.891.802	49.565.919.026	82.648.385.980	839.708.196.808
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	473.644.267.681	473.644.267.681
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(335.500.000.000)	(335.500.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(387.000.000)	(387.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	671.000.000.000	36.493.891.802	49.565.919.026	220.405.653.661	977.465.464.489
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018:</b>					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017	671.000.000.000	36.493.891.802	49.565.919.026	246.389.210.425	1.003.449.021.253
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	98.298.535.838	98.298.535.838
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(201.300.000.000)	(201.300.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị	-	-	-	(492.000.000)	(492.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2018	671.000.000.000	36.493.891.802	49.565.919.026	140.395.746.263	897.455.557.091



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**17.2 Cổ phiếu**

	Số cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Số lượng cổ phiếu phổ thông được phép phát hành	67.100.000	67.100.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	67.100.000	67.100.000

Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

**17.3 Cổ tức**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Cổ tức đã công bố và trả trong kỳ</b>		
Cổ tức kỳ trước	67.100.000.000	67.100.000.000
Cổ tức ứng trước cho kỳ hiện hành	134.200.000.000	268.400.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>201.300.000.000</b>	<b>335.500.000.000</b>

Trong kỳ, Công ty đã trả cổ tức năm 2017 (đợt 2) và ứng trước cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt tỷ lệ lần lượt là 10% và 20% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông theo phê duyệt tại Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên năm 2018 ngày 23 tháng 4 năm 2018. Những khoản này đã được chi trả toàn bộ bằng tiền trong kỳ.

**17.4 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Nguồn vốn xây dựng cơ bản Cảng Long Bình	47.725.378.239	47.725.378.239
Quỹ sắp xếp cổ phần hóa	1.840.540.787	1.840.540.787
<b>TOTAL</b>	<b>49.565.919.026</b>	<b>49.565.919.026</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>109.918.304.586</b>	<b>78.645.627.234</b>
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	107.589.984.996	67.677.253.395
Doanh thu bán hàng hóa	2.328.319.590	10.968.373.839
<b>Khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	-	(84.651.533)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>109.918.304.586</b>	<b>78.560.975.701</b>
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	107.589.984.996	67.677.253.395
Doanh thu bán hàng hóa	2.328.319.590	10.883.722.306
Trong đó:		
Doanh thu đối với khách hàng khác	69.611.908.266	46.930.517.417
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	40.306.396.320	31.630.458.284

**18.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Cổ tức và lợi nhuận được chia	66.939.081.399	43.357.139.718
Thu nhập từ ủy thác đầu tư	17.436.742.568	17.420.416.645
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.400.524.888	4.699.308.934
Thu nhập từ chuyển nhượng khoản đầu tư vào đơn vị khác	-	525.695.858.025
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.776.348.855</b>	<b>591.172.723.322</b>

**19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	76.960.039.839	54.303.885.708
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.834.581.000	11.937.597.211
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>78.794.620.839</b>	<b>66.241.482.919</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh	3.882.106.680	13.457.923.644
Chi phí lãi vay	1.076.063.917	1.004.766.243
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	623.331.830	1.552.598.897
Lỗ từ hoạt động ủy thác đầu tư	-	1.974.236.111
Chi phí tài chính khác	818.551.471	686.809.761
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.400.053.898</b>	<b>18.676.334.656</b>

**21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí nhân viên	2.179.061.263	2.784.154.395
Chi phí khấu hao tài sản cố định	131.004.283	99.305.502
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	89.617.330	-
Chi phí khác	2.997.559.524	2.002.078.879
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.397.242.400</b>	<b>4.885.538.776</b>

**22. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.895.160.362	2.778.939.622
Chi phí nhân viên	17.821.871.818	18.693.240.410
Chi phí nguyên liệu, nhiên liệu	12.157.273.239	6.715.598.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định		
(Thuyết minh số 9)	8.954.924.015	7.624.482.305
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.834.581.000	11.937.597.211
Chi phí khác	9.528.052.805	23.377.163.980
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>84.191.863.239</b>	<b>71.127.021.695</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

## 23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 23.1 Chi phí thuế TNDN

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.579.411.929	106.954.704.366
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(2.739.548.319)	617.077.624
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.839.863.610</b>	<b>107.571.781.990</b>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>106.138.399.448</b>	<b>581.216.049.671</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	21.227.679.890	116.243.209.934
Các khoản điều chỉnh:		
Cổ tức nhận được	(13.387.816.280)	(8.671.427.944)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>7.839.863.610</b>	<b>107.571.781.990</b>

### 23.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**23.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại (thuế TNDN hoãn lại phải trả) cùng với biến động trong kỳ này và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	4.606.200.000	3.829.778.664	776.421.336	2.691.584.729
Dự phòng trợ cấp thời việc	627.370.550	661.935.945	(34.565.395)	(69.023.465)
Lãi hoạt động đầu tư ủy thác	(1.156.316.511)	(3.154.008.889)	1.997.692.378	(3.239.638.888)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.077.254.039</b>	<b>1.337.705.720</b>	<b>2.739.548.319</b>	<b>(617.077.624)</b>

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

## 24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với bên liên quan*

Các nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư, nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
VICT	Công ty liên kết	Nhận cổ tức	54.422.945.164	32.737.983.603
		Cung cấp dịch vụ	29.907.837.557	27.576.781.657
		Bán hàng hóa	2.328.319.590	-
Đóng tàu Cần Thơ	Công ty con	Nhận cổ tức	12.516.136.235	323.721.217
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	6.870.400.000	-
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Mua tài sản và		
		công cụ dụng cụ	2.628.162.547	-
		Mua nhiên liệu, vật liệu	2.309.045.455	-
		Cung cấp dịch vụ	662.181.818	2.906.319.531
		Cho vay	-	35.000.000.000
		Thu hồi khoản cho vay	-	20.000.000.000
		Trả nợ gốc vay	-	15.000.000.000
		Thanh lý xe tải	-	1.090.909.092
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	537.657.355	1.147.357.096



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
<b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>				
SOWATCO-ECO 747	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	6.463.918.325	6.463.918.325
VICT	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	5.480.330.899	5.531.486.329
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	2.912.138.000	989.764.000
SOWATCOSER	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	491.380.689	538.690.140
Đóng tàu Cần Thơ	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	355.208.264	355.208.264
Công ty Cổ phần Vận tải Đa Phương thức Vietranstimex	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	295.476.180	196.954.860
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	102.000.000	1.393.450.000
			<b>16.100.452.357</b>	<b>15.469.471.918</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>
<b>Ứng trước ngắn hạn cho nhà cung cấp</b>				
ECCO	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	62.217.214	62.217.214
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
SOWATMES	Công ty con	Chi hộ	379.272.726	371.090.908
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Sử dụng dịch vụ	1.405.320.000	683.970.000
Công ty Cổ phần Cảng Miền Nam	Bên liên quan	Sử dụng dịch vụ	46.000.000	25.000.000
VICT	Công ty liên kết	Sử dụng dịch vụ	38.025.655	-
			<b>1.489.345.655</b>	<b>708.970.000</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>				
ECCO	Công ty con	Lãi vay	1.649.292.695	1.176.166.667
<b>Chi phí phải trả ngắn hạn</b>				
Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ	Mua nhiên liệu, vật liệu	309.272.728	-
<b>Vay ngắn hạn</b>				
ECCO	Công ty con	Vay	17.900.000.000	17.900.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

**24. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc như sau:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
Lương, thù lao và thưởng	1.238.245.936	1.046.000.000

**25. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Ngày 31 tháng 12 năm 2017
Đến 1 năm	1.173.480.702	4.248.761.452
Trên 1 - 5 năm	-	999.480.702
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.173.480.702</b>	<b>5.248.242.154</b>

**26. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

  
 Phạm Quang Minh  
 Người lập

  
 Trịnh Văn Quý  
 Kế toán trưởng

  
 Lê Bá Thọ  
 Tổng Giám đốc

Ngày 9 tháng 8 năm 2018